

PHỤ LỤC 3

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC

(Ban hành cùng Đề án tuyển sinh đại học 2024, kèm theo quyết định số/QĐ-ĐHBK ngày của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): xét tuyển

1.3.1. Các phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT
- Xét tuyển dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT 2024
- Xét tuyển theo kỳ thi đánh giá tư duy (TSA) năm 2023, 2024
- Xét tuyển thẳng theo chứng chỉ ngoại ngữ

1.3.2. Thông tin về phương thức tuyển sinh

Phương thức 1: Xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT.

Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 1 phải có tổng điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn thi theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 15 điểm trở lên.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT 2024

Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 do Bộ GD&ĐT tổ chức.

Phương thức 3: Xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy (TSA) của ĐHBK Hà Nội năm 2023 hoặc 2024.

Đối tượng xét tuyển: Thí sinh đạt từ **40/100** điểm trở lên.

Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo chứng chỉ ngoại ngữ

Đối tượng xét tuyển: Thí sinh có điểm TBC học tập các môn văn hóa (trừ 2 môn Thể dục và GDQPAN) 3 năm lớp 10, 11, 12 đạt **6.0** trở lên (riêng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024, lớp 12 chỉ tính học kỳ I) và điểm TBC môn Toán không thấp hơn 6.0.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo xem Bảng 1 và Bảng 2 của phụ lục 3.

1.5. Ngưỡng đầu vào.

Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển là tổng điểm 3 môn học theo tổ hợp xét tuyển của học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 18 trở lên và điểm của môn toán ở học kỳ 1 lớp 12 không thấp hơn 6 điểm (trừ ngành Ngôn ngữ Anh). Thí sinh dự tuyển ngành Ngôn ngữ Anh phải có kết quả học tập môn tiếng Anh học kỳ 1 lớp 12 không thấp hơn 6.5 điểm.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Thí sinh được đăng ký tối đa 2 nguyện vọng và sẽ xét tuyển theo nguyện vọng ưu tiên. Nếu đến nguyện vọng nào thí sinh đủ điểm trúng tuyển sẽ học ngành theo nguyện vọng đã trúng tuyển.

- Chương trình đào tạo hình thức vừa làm vừa học là chương trình đang áp dụng với hình thức đào tạo chính quy tại Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học theo hướng tăng cường kỹ năng thực hành. Vì vậy, khi thí sinh đăng ký dự tuyển chương trình đào tạo đại học sẽ được lựa chọn thêm 1 trong 4 khóa học ngắn hạn tăng cường kỹ năng thực hành: Lập trình máy tính, Quản trị mạng và hệ thống, Tiếp thị trên nền tảng mạng xã hội, Thiết kế đồ họa và sẽ được học song song cùng với chương trình đào tạo đại học để có thể tiếp cận sớm với doanh nghiệp.

- Không sử dụng kết quả quy đổi điểm ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Đức) đối với thí sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2024 để xét tuyển.

- Điều kiện phụ khi xét tuyển: Trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu ngành, các thí sinh bằng điểm ở vị trí cuối danh sách xét tuyển sẽ được xét trúng tuyển theo điều kiện phụ là Điểm thi THPT Môn Toán, riêng ngành Ngôn ngữ Anh là Điểm thi THPT Môn Tiếng Anh.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.7.1. Tổ chức tuyển sinh:

Phương thức 1: Xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và điểm thi THPT.

- Điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình chung (TBC) của 3 môn học tương ứng với các tổ hợp xét tuyển tính trong 5 học kỳ (đối với kỳ xét tuyển tháng 5/2024) hoặc 6 học kỳ (đối với kỳ xét tuyển từ 6/2024) bậc THPT. Điểm xét tuyển có tính điểm ưu tiên khu vực (KV) và đối tượng (ĐT) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chỉ tiêu xét tuyển chi tiết trong bảng 2.

- Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh phải có tổng điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 15 điểm trở lên. Thí sinh đạt điểm xét tuyển nhưng chưa có điểm thi tốt nghiệp THPT được xem như trúng tuyển có điều kiện và được hậu kiểm đảm bảo điều kiện trúng tuyển sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT.

- Công thức tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = [(TBC môn 1 + TBC môn 2 + TBC môn 3)] + Điểm UT (KV/ĐT)

Điểm TBC môn A (xét tuyển TBC 3 môn của 5 học kỳ) = (Điểm tổng kết HK1 lớp 10 môn A + Điểm tổng kết HK2 lớp 10 môn A + Điểm tổng kết HK1 lớp 11 môn A + Điểm tổng kết HK2 lớp 11 môn A + Điểm tổng kết HK1 lớp 12 môn A)/5, đối với xét tuyển 5 học kỳ.

Điểm TBC môn A (xét tuyển TBC 3 môn của 6 học kỳ) = (Điểm tổng kết HK1 lớp 10 môn A + Điểm tổng kết HK2 lớp 10 môn A + Điểm tổng kết HK1 lớp 11 môn A + Điểm tổng kết HK2 lớp 11 môn A + Điểm tổng kết HK1 lớp 12 môn A + Điểm tổng kết HK2 lớp 12 môn A)/6, đối với xét tuyển 6 học kỳ.

- Điều kiện phụ khi xét tuyển theo kết quả học tập THPT: Trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu ngành xét tuyển, các thí sinh bằng điểm ở vị trí cuối danh sách xét tuyển sẽ được xét trúng tuyển theo điều kiện phụ là điểm thi THPT môn Toán; riêng ngành Ngôn ngữ Anh là điểm thi THPT Môn Tiếng Anh.

Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT 2024

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 do Bộ GD&ĐT tổ chức.

- Điều kiện phụ: Trong trường hợp số thí sinh đạt ngưỡng điểm trúng tuyển vượt quá chỉ tiêu ngành, các thí sinh bằng điểm ở vị trí cuối danh sách xét tuyển sẽ được xét trúng tuyển theo điều kiện phụ là điểm thi THPT Môn Toán, riêng ngành Ngôn ngữ Anh là Điểm thi THPT Môn Tiếng Anh.

Phương thức 3: Xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy (TSA) của ĐHBK Hà Nội năm 2023 hoặc 2024 với thí sinh đạt kết quả từ **40/100** điểm trở lên.

- Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá tư duy (TSA) của ĐHBK Hà Nội tổ chức.

Phương thức 4 (xét tuyển thẳng):

- Thí sinh có điểm TBC học tập các môn văn hóa (trừ 2 môn Thể dục và GDQPAN) 3 năm lớp 10, 11, 12 đạt **6.0** trở lên (riêng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2024, lớp 12 chỉ tính học kỳ I) và điểm TBC môn Toán không thấp hơn 6.0. Có ít nhất 1 trong các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Academic) sau: IELTS, TOEFL iBT, TOEFL ITP, PTE, Cambridge, TOEIC, APTIS (hoặc chứng chỉ tiếng Anh khác tương đương) quy về mức điểm IELTS đạt 6.0 trở lên; Chứng chỉ tiếng Trung HSK Cấp độ 4 (B2) trở lên.

1.7.2. Thời gian tuyển sinh:

- **Đợt 1:** từ 15/5/2023 - 31/5/2024. Xét tuyển kết hợp dựa trên kết quả học tập THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT (tính trong 5 học kỳ), Xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy (TSA) của ĐHBK Hà Nội, xét tuyển thẳng.

- **Đợt 2:** từ 01/6/2023 - 30/7/2024. Xét tuyển kết hợp (kết quả học tập 6 học kỳ bậc THPT và điểm thi THPT); xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy (TSA) của ĐHBK Hà Nội; xét tuyển thẳng.

- **Đợt 3:** từ 14/8/2023 - 18/9/2024. Xét tuyển theo kết quả học tập 6 học kỳ bậc THPT, xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT, Xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy (TSA) của ĐHBK Hà Nội, xét tuyển thẳng.

1.7.3. Hồ sơ tuyển sinh:

- Thí sinh đăng ký và nhập thông tin lên hệ thống xét tuyển trực tuyến: <http://xtdtlt.hust.edu.vn> và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã kê khai. Nhà trường sẽ thực hiện công tác hậu kiểm.

- Tổ hợp các khối xét tuyển được thông tin chi tiết trong Bảng 2 và Bảng 3.

- Tất cả thí sinh trúng tuyển phải tốt nghiệp THPT.

1.8. Chính sách ưu tiên: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: xét tuyển 150.000 đồng và sẽ không hoàn lại.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Học phí và phí dự kiến cho cả khóa học:

- Học phí chương trình đào tạo đại học: 80-100 triệu tùy theo ngành đào tạo.
- Phí khóa đào tạo ngắn hạn tăng cường kỹ năng thực hành (trong thời gian 2 năm): 84,4 triệu

- Lộ trình tăng học phí chương trình đào tạo đại học theo năm học: tối đa 10% theo Quy định học phí của Đại học Bách khoa Hà Nội.

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Bảng 1. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	ĐH	7520201	Kỹ thuật điện			50	512/QĐ-BGDĐT	27/01/2011	Đại học tự chủ QĐ	
2	ĐH	7520212	Kỹ thuật Y sinh			50	7581/QĐ-BGDĐT	28/11/2007	Đại học tự chủ QĐ	
3	ĐH	7520103	Kỹ thuật Cơ khí			50	512/QĐ-BGDĐT	27/01/2011	Đại học tự chủ QĐ	
4	ĐH	7520115	Kỹ thuật nhiệt			40	512/QĐ-BGDĐT	27/01/2011	Đại học tự chủ QĐ	
5	ĐH	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa			100	512/QĐ-BGDĐT	27/01/2011	Đại học tự chủ QĐ	
6	ĐH	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử			50	512/QĐ/BGDĐT	27/01/2011	Đại học tự chủ QĐ	
7	ĐH	7520130	Kỹ thuật Ô tô			80	635B/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH	16/06/2011	Đại học tự chủ QĐ	
8	ĐH	7520207	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông			120	512/QĐ-BGDĐT	27/01/2011	Đại học tự chủ QĐ	
9	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh			154	2496/KHTV	20/04/1994	Đại học tự chủ QĐ	
10	ĐH	7340301	Kế toán			48	635B/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH	16/06/2011	Đại học tự chủ QĐ	
11	ĐH	7340201	Tài chính - Ngân hàng			44	635B/QĐ-ĐHBK-ĐTĐH	16/06/2011	Đại học tự chủ QĐ	
12	ĐH	7520301	Kỹ thuật Hóa học			100	512/QĐ-BGDĐT	27/01/2011	Đại học tự chủ QĐ	
13	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh			90	1832/QĐ-BGDĐT-ĐH	23/05/1999	Đại học tự chủ QĐ	

14	ĐH	7540204	Công nghệ dệt, may			40	3290/QĐ	28/08/1988	Đại học tự chủ QĐ	
Tổng chỉ tiêu						1016				

Bảng 2. Chỉ tiêu theo từng phương thức tuyển sinh và tổ hợp xét tuyển ()*

STT	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu dự kiến	Xét điểm THPT 2024	Xét điểm thi ĐGTD	Xét điểm học tập và điểm thi THPT	Tổ hợp xét tuyển
1	7520201	Kỹ thuật điện	50	25	10	15	A00, A01
2	7520212	Kỹ thuật Y sinh	50	25	10	15	A00, A01
3	7520103	Kỹ thuật Cơ khí	50	25	10	15	A00, A01
4	7520115	Kỹ thuật nhiệt	40	20	8	12	A00, A01
5	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	100	50	20	30	A00, A01
6	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	50	25	10	15	A00, A01
7	7520130	Kỹ thuật Ô tô	80	32	12	36	A00, A01
8	7520207	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	120	60	24	36	A00, A01
9	7340101	Quản trị kinh doanh	154	80	20	54	A00, A01, D01
10	7340301	Kế toán	48	30	8	10	A00, A01, D01
11	7340201	Tài chính - Ngân hàng	44	20	10	14	A00, A01, D01
12	7520301	Kỹ thuật Hóa học	100	50	20	30	A00, B00, D07
13	7220201	Ngôn ngữ Anh	90	45	18	27	A00, A01, D01
14	7540204	Công nghệ Dệt, may	40	20	8	12	A00, A01
Tổng			1016	507	188	321	

**) Chỉ tiêu xét tuyển thẳng tính trong tổng chỉ tiêu chung. Khi có thí sinh đăng ký và đủ điều kiện tuyển thẳng sẽ giảm chỉ tiêu của ngành tương ứng ở phương thức xét tuyển theo điểm học tập và điểm thi THPT*

Bảng 3. Mã tổ hợp xét tuyển

Tổ hợp	Các môn/bài thi trong tổ hợp
A00	Toán, Vật lý, Hóa học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
B00	Toán, Hóa học, Sinh học
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh

2. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Những người đã tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học

2.2. Phạm vi tuyển sinh: toàn quốc

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): xét tuyển, xét tuyển kết hợp phỏng vấn

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo xem Bảng 4 của phụ lục 3.

2.5. Ngưỡng đầu vào: Thí sinh phải hoàn thành chương trình đào tạo bậc cao đẳng hoặc đại học và phải có bằng tốt nghiệp hoặc giấy xác nhận đang chờ cấp bằng tốt nghiệp.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

- Thí sinh phải hoàn thành các học phần bổ túc kiến thức tùy thuộc vào bảng điểm/phụ lục văn bằng mà thí sinh đã học tập trước đó thì mới được công nhận trúng tuyển.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận HS: Liên tục nhận hồ sơ

- Hình thức nhận HS ĐKXT: Thí sinh đăng ký trên trang đăng ký trực tuyến (<https://tsdtlt.hust.edu.vn/>). Khi có thông báo mở lớp sẽ có hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến và hồ sơ trực tiếp về Trung tâm Đào tạo liên tục, Đại học Bách khoa Hà Nội hoặc tại các đơn vị liên kết.

Bằng tốt nghiệp của các trường nước ngoài, trường nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội.

2.8. Chính sách ưu tiên: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: xét tuyển 150.000 đồng/thí sinh và sẽ không hoàn lại.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

- Văn bằng thứ hai và liên thông vừa làm vừa học: Từ 65 triệu - 75 triệu tùy theo ngành.

- Lộ trình tăng học phí tối đa theo năm học: 10% theo Quy định học phí của Đại học Bách khoa Hà Nội.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Thời gian tuyển sinh dự kiến:

- Đợt 1: Tháng 2/2024
- Đợt 2: Tháng 5/2024
- Đợt 3: Tháng 6/2024
- Đợt 4: Tháng 8/2024
- Đợt 5: Tháng 10/2024
- Đợt 6: Tháng 12/2024

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành). Không có.

Bảng 4 - Chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	ĐH	7540102	Kỹ thuật thực phẩm			30			Trường tự chủ QĐ	
2	ĐH	7520201	Kỹ thuật điện			120			Trường tự chủ QĐ	
3	ĐH	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa			50			Trường tự chủ QĐ	
4	ĐH	7520207	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông			120			Trường tự chủ QĐ	
5	ĐH	7520212	Kỹ thuật Y sinh			140			Trường tự chủ QĐ	
6	ĐH	7520130	Kỹ thuật Ô tô			70			Trường tự chủ QĐ	
7	ĐH	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử			60			Trường tự chủ QĐ	
8	ĐH	7520309	Kỹ thuật Vật liệu			80			Trường tự chủ QĐ	
9	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh			69			Trường tự chủ QĐ	
10	ĐH	7480201	Công nghệ Thông tin			15			Trường tự chủ QĐ	
			Tổng chỉ tiêu			754				

